

Bản án số:174 /2024/HNGĐ - ST
Ngày 31-12-2024
V/v Ly hôn tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hoài thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- **Thö kỳu phieân toà:** Ông Hoàng Văng Vững-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 537/2024/HNST ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2024/QĐXX - ST, ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên hôn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1988

Địa chỉ: 9 A - đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trương Quang P, sinh năm 1983

Địa chỉ: 9 A - đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc H có những yêu cầu sau:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trương Quang P đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố V vào tháng 03 năm 2016. Sau khi kết hôn chị H, anh P sinh sống tại 968/9 A - đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình sống chung chị H và anh P có với nhau 02 người con là Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 08-9-2017 và Trương Gia B, sinh ngày 24-5-2020.

Chị H cho biết từ năm 2019 giữa chị H và anh P bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do vấn đề kinh tế, anh P chơi cờ bạc và đi vay nợ mà không trả nợ, không lo cuộc sống gia đình, không phụ giúp với chị H tiền nuôi con; ngoài ra anh P còn có quan hệ với người phụ nữ khác và nhiều lần bạo hành đối với chị H. Hiện chị H và anh P đã sống ly thân.

Nay chị H thấy hôn nhân không đạt được, vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trương Quang P, sinh năm 1983.

Về con chung: Chị H, anh P có hai người con là Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 08-9-2017 và Trương Gia B, sinh ngày 24-5-2020; chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con.

Về cấp dưỡng: Chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000đ (Ba triệu đồng)/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Quang P có ý kiến: Về hôn nhân anh P xác nhận có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố V vào tháng 3 năm 2016. Anh P xác nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân giữa anh P và chị H bắt đầu quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Anh P cho rằng, chị H nói anh P có quan hệ với người phụ nữ khác là không đúng, anh P chỉ nhận tin chọc ghẹo. Còn việc bạo hành anh P thừa nhận có đôi lần bạo hành với chị H nhưng do chị H đánh anh P trước, còn về cờ bạc thì anh P không cờ bạc, không nợ nần như chị H nói.

Anh P không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H, còn con anh P muốn gia đình đoàn tụ không muốn chia rẽ con. Về tài sản chung, nợ nếu ly hôn anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

[1] Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành và thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tại phiên Tòa thư ký và hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại điều 51,63 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại các điều 239, 248,249, 250, 251, 254, 260, 261 và điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn chị H và bị đơn anh P đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H; chị H được ly hôn với anh Trương Quang P.

[3] Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 81,82,83 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; giao con là Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 08-9-2017 và Trương Gia B, sinh ngày 24-5-2020, cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa anh Trương Quang P tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000đ(hai triệu đồng)/1tháng; xét ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu đề nghị không xem xét.

[6] Về án phí HNST: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng).

[6.1] Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Anh Trương Quang P phải chịu 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu; Nhận định của Tòa án:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trương Quang P. Các đương sự hiện cư trú thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu; căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Ngày 14-3-2016, chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trương Quang P đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân phường A, thành phố V và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị H và anh P là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa giữa nguyên đơn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh P không đồng ý ly hôn.

Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh P thì cho rằng cuộc sống hôn nhân còn hạnh phúc. Chị H, anh P tranh chấp về người được quyền trực tiếp nuôi con.

Qua xác minh mâu thuẫn của chị H, anh P thì được biết; chị H, anh P sinh sống tại 9 A - đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc khu phố C, phường A thành phố V từ năm 2016; giữa chị H, anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh P chơi cờ bạc và có người phụ nữ khác và anh P do có hành vi bạo hành đối với chị H đã 03 lần Công an phường 11 mời lên làm việc.

Còn đối với 02 con của chị H, anh P. Chị H hiện nuôi cháu Trương Ngọc Gia L, cháu Trương Gia B ở với anh P nhưng có lúc ở với chị H. Có lần anh P vắng nhà để cháu B ở nhà một mình. Chính quyền có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét cho chị H được nuôi 02 con và được ly hôn với anh P.

[3] về hôn nhân nhận định của Hội đồng xét xử: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trương Quang P là có thật, đúng như việc chị H cho biết và qua việc xác minh (BL 140). Anh P cho rằng gia đình còn hạnh phúc nhưng không chứng minh được; anh P xác nhận hiện chị H và anh P đã sống ly thân (BL

số 29); hơn nữa qua tài liệu, chứng cứ chị H cung cấp, anh P xác nhận từng 03 lần bạo hành đối với chị H (BL số 138 và 139).

Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị H và anh P đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ áp dụng điều 56 và điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H; chị H được ly hôn với anh Trương Quang P.

[4] Về con chung: Chị H và anh P có hai con là Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 08-9-2017 và Trương Ngọc Gia B, sinh ngày 24-5-2020; chị H, anh P tranh chấp đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

Cháu Trương Ngọc Gia L có ý kiến nếu B1, mẹ ly hôn cháu L có nguyện vọng tiếp tục được ở với chị H; cháu B chưa tròn 05 tuổi nên không thuộc trường hợp phải có ý kiến về việc bố, mẹ ly hôn thì có nguyện vọng ở bố hay mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Điều kiện về thu nhập của nguyên đơn chị H và bị đơn anh P đều đáp ứng cho việc nuôi dưỡng con; chị H, anh P đều có công việc ổn định, thu nhập bình quân tháng của chị H 12.000.000đ(Mười hai triệu đồng)/1 tháng; có chỗ ở ổn định. Thu nhập bình quân tháng của anh P là 13.000.000 đ(Mười ba triệu đồng)/1 tháng, chỗ ở không ổn định.

Chị H hiện là giáo viên hiện công tác tại trường tiểu học P2, công việc giảng dạy theo giờ hành chính. Anh P hiện làm công nhân tại Công ty Y tại thị xã P, công việc làm theo ca, ca ngày từ 7h sáng đến 7h tối, ca đêm từ 19h tối đến sáng.

Cháu Trương Gia B hiện đang phải điều trị về tâm lý tại Trung tâm T.

Hội đồng xét xử xét tới quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên nhưng hiện cháu B còn nhỏ, tính đến ngày xét xử cháu B chưa đủ 05 tuổi và còn bị bệnh chậm phát triển. Anh P hiện làm công nhân tại thị xã P phải thường xuyên làm ca đêm. Chị H là giáo viên chỉ công tác tính theo giờ hành chính do đó anh P yêu cầu là được quyền trực tiếp nuôi con là không phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ giao cháu Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 08-9-2017 và Trương Gia B, sinh ngày 24-5-2020, cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh P cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị H; căn cứ các Điều 81, 82, 82 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Cháu Trương Gia B, sinh ngày 24-5-2020 hiện anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật bị đơn anh Trương Quang P có nghĩa vụ giao con là Trương Gia B cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000đ(Hai triệu đồng)/1 tháng tại phiên Toà anh P tự nguyện đồng ý cấp dưỡng cho mỗi con, mỗi tháng là 2.000.000đ(Hai triệu đồng); Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của của các đương sự; anh Trương Quang P cấp dưỡng nuôi con Trương Ngọc Gia L và Trương Gia B mỗi con là 2.000.000đ(Hai triệu đồng)/ 01 tháng.

Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi cháu L, cháu B đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc cháu L, cháu B được nhận làm con nuôi.

Quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều **110**; người có quyền thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7]Án phí HNST: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0004407 ngày 10 tháng 10 năm 2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; chị H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7.1]Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Trương Quang P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 210, 118 và Điều **119** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[1]Tuyên xử:

[1.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trương Quang P.

[1.2] Về con chung: Giao hai con là Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 08-9-2017 và Trương Gia B, sinh ngày 24-5-2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh P cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị H.

Cháu Trương Gia B, hiện anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật bị đơn anh Trương Quang P có nghĩa vụ giao con là Trương Gia B cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con căn cứ Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; anh Trương Quang P cấp dưỡng nuôi con Trương Ngọc Gia L và Trương Gia B mỗi con là 2.000.000đ(Hai triệu đồng)/ 01 tháng.

Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi cháu L, cháu Bảo thành N và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc cháu L, cháu B được nhận làm con nuôi.

Quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Án phí HNST: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0004407 ngày 10 tháng 10 năm 2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; chị H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5.1] Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Anh Trương Quang P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

[6] Quyền kháng cáo: Đương có mặt quyền kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;

- *Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;*
- *Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Vũng Tàu;*
- *Lưu hồ sơ.*

Trịnh Hồng Phúc

